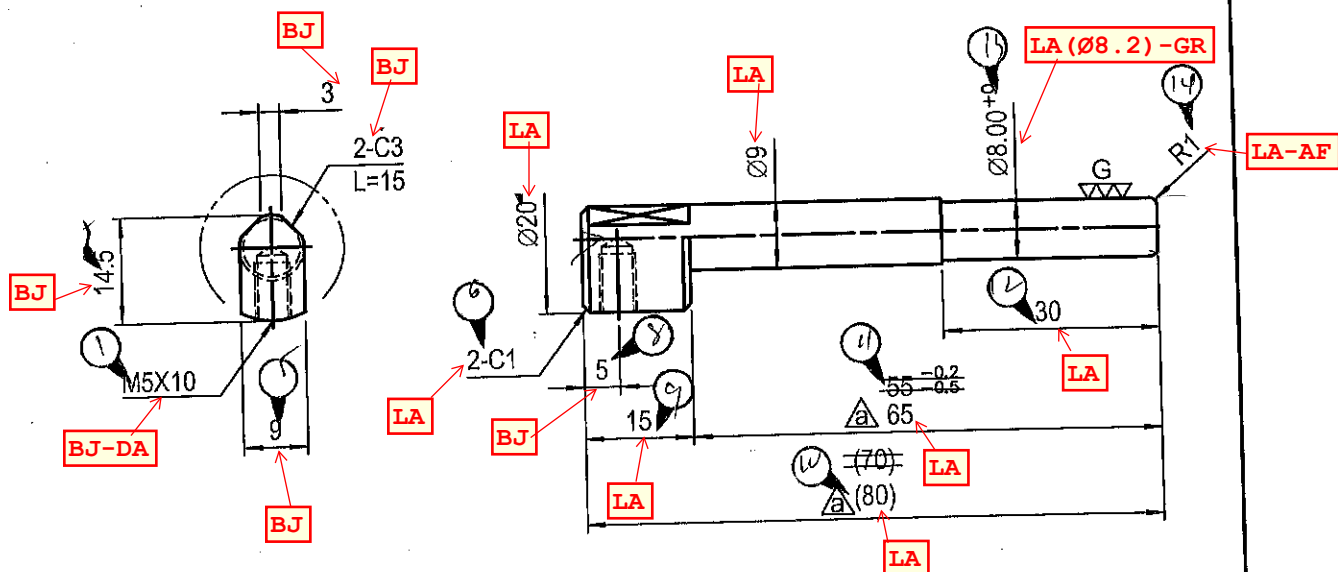


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2003/12/01	新規設計		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2015/11/26	ガイド長度變更(S614963→R030087)とHRC追記(58→58~60)		Chang_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.000	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.00	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.00	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
▽ ( G )									



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		位置決めピン	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		POSITIONING PIN	
HRC 58° ~ 60°		部品図		位置定位銷	
MATERIAL	DATE	SCALE		定位銷	
SKD11	2003/12/01	1:1		DWG.No.	
				R030087	

SNO: R030087

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø20*85	LA:60 BJ:30 DA:10 HT:40 GR:30 AF:10 KT